

Số: /QĐ-BNN-BVTV

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Đề án “Nâng cao sức khỏe đất và quản lý dinh dưỡng cây trồng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050”

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Luật Trồng trọt ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 105/2022/QĐ-CP ngày 22/12/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến 2050;

Căn cứ Quyết định số 1748/QĐ-TTg ngày 30/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển trồng trọt đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Bảo vệ thực vật,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt “Đề án nâng cao sức khỏe đất và quản lý dinh dưỡng cây trồng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050” với các nội dung chủ yếu sau:

I. QUAN ĐIỂM

1. Đất là nguồn tài nguyên quan trọng, là tư liệu sản xuất đặc biệt, không thể tái tạo của sản xuất nông nghiệp, cần sự chăm sóc thường xuyên để ổn định và nâng cao sức khỏe đất trồng trọt, hướng tới nền nông nghiệp sinh thái, bền vững, tuần hoàn góp phần bảo vệ môi trường, bảo vệ đa dạng sinh học, thích ứng với biến đổi khí hậu.

2. Nâng cao sức khỏe đất trồng trọt và quản lý dinh dưỡng cây trồng là vấn đề không thể tách rời, bổ trợ cho nhau, quản lý dinh dưỡng cây trồng là yếu tố quan trọng trong việc ổn định, nâng cao sức khỏe đất trồng trọt.

3. Các hoạt động để nâng cao sức khỏe đất trồng trọt và quản lý dinh dưỡng cây trồng hợp lý cần có sự quan tâm, vào cuộc của cả hệ thống chính trị, toàn dân cũng như mỗi người sử dụng đất trên cơ sở phát huy những điều kiện, lợi thế sẵn có của mỗi vùng và phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và các nguồn tài nguyên khác.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Ổn định và nâng cao sức khỏe đất trồng trọt trên cơ sở quản lý dinh dưỡng cây trồng hiệu quả nhằm hạn chế suy thoái đất, nâng cao giá trị gia tăng trên một đơn vị diện tích đất trồng trọt (bao gồm đất trồng cây hằng năm và đất trồng cây lâu năm), góp phần phát triển nông nghiệp xanh, bền vững, các-bon thấp và thích ứng với biến đổi khí hậu.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

a) Hoàn thiện được bộ CSDL về chất lượng các loại đất chính (bao gồm các chỉ tiêu về lý, hóa và sinh học đất) và sử dụng phân bón cho các cây trồng chủ lực.

b) Xây dựng được bộ chỉ tiêu và thang phân cấp chỉ tiêu đánh giá sức khỏe đất trồng trọt.

c) Xây dựng, hoàn thiện được quy trình canh tác hợp lý gắn với sử dụng phân bón hiệu quả, giảm thất thoát chất dinh dưỡng trên các loại đất chính trồng các cây trồng chủ lực, góp phần ổn định và nâng cao sức khỏe đất trồng trọt, bảo vệ và phát triển đa dạng hệ sinh vật có ích, giảm phát thải khí nhà kính.

d) Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ quản lý, kỹ thuật và sự quan tâm của cộng đồng về quản lý sức khỏe đất trồng trọt và dinh dưỡng cây trồng từ Trung ương đến địa phương.

3. Tầm nhìn đến năm 2050

Hoàn thành trên phạm vi toàn quốc các mục tiêu đã đề ra cho năm 2030, phấn đấu để Việt Nam trở thành một trong những quốc gia đi đầu trong khu vực về năng lực và hiệu quả quản lý sức khỏe đất trồng trọt và dinh dưỡng cây trồng.

III. NHIỆM VỤ

1. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về sức khỏe đất trồng trọt và dinh dưỡng cây trồng

a) Thống nhất hệ thống phân loại đất với bộ chỉ tiêu đánh giá chất lượng đất trong toàn quốc.

b) Rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về sức khỏe đất trồng trọt và chất lượng phân bón.

c) Kiện toàn và nâng cao năng lực hệ thống phòng thí nghiệm, cả thiết bị và phương pháp phân tích về đánh giá đất và chất lượng phân bón phục vụ công tác quản lý về sức khỏe đất trồng trọt và chất lượng phân bón.

2. Xây dựng bộ CSDL về chất lượng các loại đất chính và sử dụng phân bón cho các cây trồng chủ lực

a) Xây dựng bộ CSDL về chất lượng đất trồng trọt và công cụ khai thác trực tuyến cho các cây trồng chủ lực (lúa, rau, ngô, sắn, cà phê, hồ tiêu, điều, chè, cao su, cây ăn quả, dừa, hoa và cây cảnh) theo Chiến lược phát triển trồng trọt đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên các loại đất chính.

b) Xây dựng bộ CSDL về sử dụng phân bón và công cụ khai thác trực tuyến cho các cây trồng chủ lực trên các loại đất chính.

c) Cập nhật thông kê và số hóa CSDL về chất lượng các loại đất chính và sử dụng phân bón tích hợp với bản đồ dinh dưỡng đất và bản đồ chất lượng đất cho các cây trồng chủ lực.

3. Xây dựng bộ chỉ tiêu và phân cấp chỉ tiêu đánh giá sức khỏe đất trồng trọt gắn với quản lý dinh dưỡng cây trồng

Xây dựng bộ chỉ tiêu và phân cấp chỉ tiêu đánh giá sức khỏe đất về vật lý, hóa học và sinh học theo các loại đất chính và cây trồng chủ lực hài hòa với tiêu chuẩn khu vực và quốc tế.

4. Xây dựng, hoàn thiện quy trình canh tác hợp lý gắn với sử dụng phân bón hiệu quả, giảm thất thoát dinh dưỡng trên loại đất chính trồng các cây trồng chủ lực, góp phần ổn định và nâng cao sức khỏe đất trồng trọt, bảo vệ và phát triển đa dạng hệ sinh vật có ích, giảm phát thải khí nhà kính

a) Tổng hợp, đánh giá hiệu quả sử dụng phân bón hiện nay trên các cây trồng chủ lực trên các loại đất chính ở các vùng sinh thái.

b) Phát triển công nghệ sản xuất phân bón mới (vô cơ, hữu cơ, sinh học) trong nước và nhập khẩu có hiệu quả sử dụng cao.

c) Xây dựng và hoàn thiện các quy trình sử dụng phân bón phù hợp và hiệu quả đáp ứng nguyên tắc “đúng loại đất, đúng loại cây, đúng liều lượng, đúng thời điểm, đúng cách”, góp phần giảm thất thoát phân bón đa lượng đến năm 2030 ít nhất 0,5 đơn vị phân trăm/năm trên các loại đất chính trồng các cây trồng chủ lực.

d) Hoàn thiện hoặc xây dựng mới và nhân rộng quy trình canh tác hợp lý gắn với quy trình quản lý dinh dưỡng hiệu quả theo hướng tuần hoàn cho các cây trồng chủ lực, phù hợp với hiện trạng sức khỏe đất trồng trọt, khắc phục được yếu tố hạn chế ở các vùng sản xuất thâm canh.

đ) Hoàn thiện hoặc xây dựng mới và nhân rộng quy trình canh tác cho cây trồng chủ lực trên các loại “đất có vấn đề” (Đất dốc, đất phèn, đất mặn, đất cát ven biển, đất xám bạc màu...) gắn với quy trình quản lý dinh dưỡng hiệu quả theo hướng ổn định và phục hồi chất lượng đất, bảo vệ và phát triển sự đa dạng hệ sinh vật có ích trong đất, nâng cao hàm lượng các-bon trong tầng đất canh tác tăng trung bình 4 %/năm.

5. Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ quản lý, kỹ thuật và sự quan tâm của cộng đồng về quản lý sức khỏe đất trồng trọt và dinh dưỡng cây trồng từ Trung ương đến địa phương

a) Xây dựng chương trình, tài liệu tập huấn, đào tạo về sức khỏe đất trồng trọt và hướng dẫn sử dụng phân bón.

b) Tổ chức tập huấn cho đội ngũ cán bộ kỹ thuật và đào tạo giảng viên nguồn về sức khỏe đất trồng trọt, phân bón và dinh dưỡng cây trồng.

c) Xây dựng mạng lưới cán bộ kỹ thuật phục vụ công tác nâng cao sức khỏe

đất trồng trọt và quản lý dinh dưỡng cây trồng với sự tham gia, phối hợp, hỗ trợ của các chuyên gia, nhà khoa học, nhà sản xuất...

IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Về cơ chế, chính sách

a) Rà soát, ban hành hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền ban hành các cơ chế, chính sách cụ thể nhằm khuyến khích, hỗ trợ, đầu tư cho các hoạt động trồng trọt gắn với mục tiêu bảo vệ, nâng cao sức khỏe đất trồng trọt và quản lý sử dụng dinh dưỡng cây trồng hiệu quả đã được quy định tại Luật Trồng trọt.

b) Nghiên cứu, báo cáo cấp có thẩm quyền ban hành cơ chế, chính sách trong trồng trọt nhằm bảo vệ, nâng cao sức khỏe đất trồng trọt và quản lý dinh dưỡng cây trồng (khuyến khích việc bảo vệ, khai thác sinh vật có ích, phân bón sinh học, phân bón mới có hiệu quả sử dụng cao, áp dụng các mô hình canh tác góp phần duy trì, nâng cao độ phì nhiêu đất và giảm phát thải khí nhà kính).

2. Về khoa học, công nghệ và khuyến nông

a) Lựa chọn triển khai các đề tài nghiên cứu có trọng tâm, trọng điểm, trong đó ưu tiên các đề tài thuộc lĩnh vực sức khỏe đất trồng trọt và dinh dưỡng cây trồng gắn với chuyển giao, ứng dụng công nghệ cho hiệu quả cả về kinh tế, xã hội và môi trường, góp phần giảm phát thải khí nhà kính.

b) Khuyến khích nghiên cứu phát triển và chuyển giao công nghệ mới thực hiện dựa trên cơ sở khai thác/kế thừa, tận dụng tối đa kết quả của các công trình nghiên cứu trong nước và quốc tế đã và đang triển khai.

c) Huy động các nguồn lực khoa học và công nghệ trên toàn quốc thông qua việc hỗ trợ, khuyến khích các đề tài, dự án có sự tham gia phối hợp thực hiện của các viện/trung tâm nghiên cứu, trường đại học, doanh nghiệp, các chuyên gia, nhà khoa học, cơ quan/đơn vị của địa phương.

d) Xây dựng và quảng bá các mô hình canh tác, mô hình sử dụng phân bón có hiệu quả nâng cao sức khỏe đất trồng trọt, giá trị gia tăng trên một đơn vị diện tích đất trồng trọt, góp phần giảm phát thải khí nhà kính. Tổ chức tổng kết, đánh giá các mô hình để rút kinh nghiệm, nhân rộng quy mô cho các địa phương.

3. Về chuyển đổi số trong lĩnh vực quản lý sức khỏe đất trồng trọt và dinh dưỡng cây trồng

a) Phát triển và hướng đến đồng bộ hóa các công cụ phục vụ chuyển đổi số các cơ sở dữ liệu về dinh dưỡng đất, sử dụng đất trồng trọt, phân bón thống nhất từ Trung ương đến địa phương đáp ứng yêu cầu về công tác quản lý, hỗ trợ công tác giám sát, thanh tra, kiểm tra, nhu cầu tra cứu thông tin của các cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân và người dân.

b) Khuyến khích người dân sử dụng các thiết bị điện tử hiện đại, tham gia thảo luận về cách ứng dụng công nghệ cao để chuyển giao công nghệ về quản lý sức khỏe đất trồng trọt và quản lý dinh dưỡng (chẩn đoán thiếu hụt dinh dưỡng, hướng dẫn sử dụng phân bón và cải tạo đất...) cho cây trồng của nông hộ.

4. Về thông tin, truyền thông

a) Tuyên truyền phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật, các tiêu chuẩn, quy chuẩn, các chính sách liên quan đến sức khỏe đất trồng trọt và dinh dưỡng cây trồng.

b) Phối hợp chặt chẽ và phát huy vai trò của tổ chức chính trị - xã hội, hội, hiệp hội, doanh nghiệp tổ chức các hội nghị, hội thảo, tập huấn để tuyên truyền, phổ biến các thông tin, tài liệu, kiến thức về sức khỏe đất trồng trọt và dinh dưỡng cây trồng.

c) Phối hợp với cơ quan thông tấn báo chí thực hiện các phóng sự, bài viết, để truyền thông rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng về vai trò, sự cần thiết của việc nâng sức khỏe đất trồng trọt và quản lý dinh dưỡng cây trồng hiệu quả, phổ biến, giới thiệu các mô hình canh tác, mô hình sử dụng phân bón tiên bộ để nâng cao nhận thức của người dân.

5. Về đào tạo, tập huấn

a) Rà soát, hoàn thiện chương trình, tài liệu đào tạo, tập huấn chuyên sâu và tổ chức tập huấn cho từng nhóm đối tượng (nhà quản lý, cán bộ kỹ thuật, doanh nghiệp, người dân) về nâng cao sức khỏe đất trồng trọt và quản lý dinh dưỡng cây trồng. Trong đó, xây dựng các nội dung chương trình tập huấn theo chuỗi liên kết giá trị để tối đa hóa hiệu quả tập huấn.

b) Tăng cường phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh, thành phố, các tổ chức chính trị - xã hội, hội, hiệp hội, doanh nghiệp để xây dựng kế hoạch và triển khai tập huấn. Đa dạng hóa hình thức tập huấn, ưu tiên tập huấn qua mô hình thực tế. Trang bị cho giảng viên và học viên kiến thức về ứng dụng công nghệ thông tin để tiếp cận, khai thác, sử dụng CSDL và ngân hàng kiến thức trực tuyến.

c) Khuyến khích các trường đại học, viện nghiên cứu, tổ chức khoa học và công nghệ tăng cường đào tạo, phát triển nguồn nhân lực phục vụ nghiên cứu và chuyển giao công nghệ thuộc lĩnh vực đất, phân bón và dinh dưỡng cây trồng.

6. Về hợp tác công tư

a) Tăng cường hợp tác công tư với sự tham gia phối hợp của nhà nước, hội, hiệp hội ngành hàng, doanh nghiệp và người dân để xây dựng, chuyển giao và nhân rộng các mô hình canh tác, mô hình sử dụng phân bón góp phần bảo vệ, nâng cao sức khỏe đất trồng trọt, quản lý dinh dưỡng cây trồng hiệu quả và giảm phát thải khí nhà kính.

b) Thúc đẩy các hình thức hợp tác, liên kết sản xuất, sử dụng phân bón và tiêu thụ nông sản theo chuỗi giá trị cho các sản phẩm chủ lực, kết nối với hệ thống tiêu thụ toàn cầu, trong đó doanh nghiệp giữ vai trò chủ đạo, nòng cốt.

7. Về hợp tác quốc tế

a) Đẩy mạnh hợp tác với các nước và các tổ chức quốc tế để tranh thủ thu hút nguồn vốn, tiếp cận khoa học và công nghệ tiên tiến, chia sẻ kiến thức, kinh

nghiệm để đạt được các mục tiêu của đề án.

b) Ưu tiên hợp tác các nội dung nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ sản xuất phân bón mới có hiệu suất sử dụng cao, thân thiện với môi trường; nghiên cứu xây dựng bộ chỉ tiêu và thang đánh giá sức khỏe đất trồng trọt phù hợp với điều kiện Việt Nam, biện pháp quản lý dinh dưỡng cây trồng bền vững, xây dựng CSDL về nhu cầu dinh dưỡng gắn với từng đối tượng cây trồng và loại đất; đào tạo nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn cao về sức khỏe đất trồng trọt và dinh dưỡng cây trồng.

8. Về thanh tra, kiểm tra và đánh giá, giám sát

a) Cơ quan quản lý các cấp từ Trung ương đến địa phương có kế hoạch định kỳ và tăng cường phối hợp giữa các cơ quan, lực lượng chức năng từ Trung ương đến địa phương tổ chức triển khai nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra việc chấp hành quy định về quản lý, sử dụng đất trồng trọt và phân bón. Xử lý triệt để và công khai kết quả thanh tra, kiểm tra thông tin các tổ chức, cá nhân vi phạm trên các phương tiện thông tin đại chúng.

b) Giám sát tiến độ triển khai và đánh giá kết quả thực hiện các nhiệm vụ của Đề án nhằm phát huy các kết quả đạt được hoặc làm căn cứ điều chỉnh kế hoạch, khắc phục khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện Đề án. Các hoạt động giám sát, đánh giá sẽ được tiến hành thường xuyên, định kỳ theo kế hoạch hàng năm, 5 năm hoặc đột xuất tùy thuộc vào từng nhiệm vụ cụ thể theo nguyên tắc độc lập, khách quan, khoa học bảo đảm đánh giá nhanh, chính xác, đồng bộ, kịp thời đáp ứng yêu cầu công tác quản lý nhà nước.

V. CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN THỰC HIỆN

1. Thống nhất hệ thống phân loại đất Việt Nam phục vụ sản xuất trồng trọt với bộ chỉ tiêu chất lượng đặc trưng được số hóa.

2. Thành lập mạng lưới liên kết phòng phân tích VINASOLAN đủ năng lực đánh giá chất lượng đất và phân bón và kết nối được với mạng lưới phòng phân tích đất, phân bón trong khu vực và trên thế giới.

3. Xây dựng CSDL về đất và phân bón dạng “ngân hàng kiến thức” mở, tích hợp được với bản đồ dinh dưỡng đất và bản đồ chất lượng đất cho các cây trồng chủ lực trên các loại đất chính.

4. Xây dựng bộ chỉ tiêu và phân cấp chỉ tiêu đánh giá sức khỏe đất trồng trọt cho các cây trồng chủ lực trên các loại đất chính.

5. Mô hình canh tác tổng hợp ổn định, duy trì và nâng cao sức khỏe đất trồng trọt vùng thâm canh.

6. Mô hình canh tác tổng hợp phục hồi và ổn định sức khỏe đất trồng trọt cho cây trồng chủ lực trên các loại “đất có vấn đề”.

7. Điều tra, đánh giá, phân lập và phát triển các chủng vi sinh vật có ích để hạn chế bệnh từ đất, hỗ trợ cải thiện hiệu quả sử dụng phân bón; tích lũy hữu cơ trong đất, hạn chế quá trình khoáng hóa và giảm phát thải khí nhà kính.

8. Phát triển các loại phân bón có hiệu quả sử dụng cao (ưu tiên phân bón sinh học, hữu cơ, phân bón nhả chậm, có điều khiển; phân bón có chất tăng hiệu suất sử dụng, phân bón chuyên dùng, phân bón cải tạo đất... chế phẩm sinh học hỗ trợ tuần hoàn chất dinh dưỡng thông qua chuyển hóa nhanh phụ phẩm nông nghiệp).

9. Xây dựng tài liệu tập huấn về nâng cao sức khỏe đất trồng trọt, sổ tay hướng dẫn sử dụng phân bón.

10. Đào tạo giảng viên nguồn (ToT), tập huấn và truyền thông nâng cao nhận thức về sức khỏe đất trồng trọt và dinh dưỡng cây trồng.

VI. NGUỒN VỐN THỰC HIỆN

Nguồn kinh phí thực hiện bao gồm: ngân sách nhà nước (Trung ương và địa phương) thông qua việc hỗ trợ xây dựng các đề án, dự án, tư vấn kỹ thuật và cơ sở hạ tầng của các cơ quan, đơn vị, địa phương và lồng ghép từ chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình phát triển kinh tế - xã hội, kinh phí khoa học công nghệ, khuyến nông, các dự án hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và chương trình, dự án khác có liên quan; các nguồn xã hội hóa của các doanh nghiệp; các nguồn tài trợ, viện trợ, nguồn huy động hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các nhiệm vụ được giao trong đề án, các đơn vị thuộc Bộ có liên quan xây dựng kế hoạch hoạt động hàng năm và lập dự toán nhu cầu kinh phí trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Các địa phương có trách nhiệm bố trí ngân sách địa phương và huy động các nguồn vốn hợp pháp để triển khai các hoạt động nâng cao sức khỏe đất trồng trọt và quản lý dinh dưỡng cây trồng tại địa phương theo quy định.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Vụ Kế hoạch

Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng và lựa chọn danh mục dự án ưu tiên phục vụ Đề án. Cân đối, bố trí nguồn vốn thực hiện các dự án theo danh mục được lựa chọn. Nghiên cứu, đề xuất cơ chế, chính sách huy động nguồn lực để thực hiện Đề án.

b) Cục Bảo vệ thực vật

Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan hướng dẫn các đơn vị, địa phương triển khai thực hiện Đề án; đề xuất các nhiệm vụ cần triển khai để thực hiện Đề án; theo dõi kết quả thực hiện, tổng hợp khó khăn vướng mắc và đề xuất giải pháp tháo gỡ trong quá trình thực hiện Đề án.

Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan nghiên cứu, đề xuất sửa đổi, bổ sung các chính sách phục vụ Đề án, trình cấp thẩm quyền ban hành.

c) Cục Trồng trọt

Chủ trì, phối hợp với Cục Bảo vệ thực vật và các đơn vị liên quan và các địa phương triển khai thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ ngăn chặn suy thoái đất, xây dựng và thống nhất cơ sở dữ liệu về sức khỏe đất trồng trọt, kết nối với CSDL về trồng trọt; quản lý đất sản xuất nông nghiệp trên các vùng trọng điểm; tham mưu cho Bộ phối hợp với các bộ/ngành tháo gỡ khó khăn về cơ chế, chính sách.

d) Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường

Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan rà soát, sửa đổi, bổ sung, xây dựng mới tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng đất, sức khỏe đất trồng trọt, dinh dưỡng cây trồng hài hòa với tiêu chuẩn quốc tế và khu vực.

Hướng dẫn các tổ chức cá nhân đề xuất danh mục các đề tài, dự án về xây dựng cơ sở dữ liệu đất, thang và chỉ tiêu đánh giá sức khỏe đất trồng trọt, dinh dưỡng cây trồng, nghiên cứu và sử dụng hiệu quả các loại dinh dưỡng cây trồng mới, các giải pháp về công nghệ nhằm duy trì và nâng cao sức khỏe đất trồng trọt và dinh dưỡng cây trồng theo Đề án.

đ) Trung tâm Khuyến nông Quốc gia: Phối hợp với các đơn vị trực thuộc Bộ và các địa phương xây dựng kế hoạch thực hiện các dự án, mô hình khuyến nông, tuyên truyền tập huấn cho nông dân và cán bộ kỹ thuật địa phương các quy trình canh tác, quy trình duy trì, bảo vệ và cải tạo đất... trong hoạt động khuyến nông hàng năm.

e) Các viện nghiên cứu: Nghiên cứu, xây dựng bộ chỉ tiêu và hệ thống phân cấp phù hợp về sức khỏe đất trồng trọt ở Việt Nam phù hợp với tiêu chuẩn khu vực và quốc tế.

g) Các trường đại học: Phối hợp đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực, trình độ, nhận thức cho các tổ chức, cá nhân về quản lý dinh dưỡng cây trồng, quản lý, sử dụng, bảo vệ và cải tạo đất.

h) Các đơn vị khác: Theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phối hợp chặt chẽ với Cục BVTV, Cục Trồng trọt trong việc tuyên truyền và triển khai thực hiện các nội dung của Đề án.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Tham mưu cho UBND tỉnh, thành phố chỉ đạo triển khai, thực hiện các nội dung của Đề án: Định hướng, quản lý sử dụng đất trồng trọt; quản lý sản xuất, buôn bán phân bón theo thẩm quyền; tổ chức tập huấn, hướng dẫn nâng cao sức khỏe đất trồng trọt và sử dụng phân bón; phát triển vùng trồng theo quy hoạch của địa phương và liên vùng; đề xuất cơ chế, chính sách thu hút doanh nghiệp đầu tư kinh doanh, sản xuất phân bón đặc biệt phân bón hữu cơ, phân bón mới thân thiện với môi trường và hướng dẫn, kết nối tạo liên kết giữa doanh nghiệp với nông dân, HTX, tổ hợp tác, chuyên gia, nhà khoa học; xây dựng và áp dụng các mô hình mạng lưới cán bộ kỹ thuật, mô hình quản lý, sử dụng tiết kiệm và nâng cao sức khỏe đất trồng trọt; áp dụng quy trình công nghệ canh tác tiên tiến, an toàn; đầu tư hạ tầng (giao thông, thủy lợi...), giảm thiểu rủi ro, thích ứng với biến đổi

khí hậu, hạn chế suy thoái đất, ô nhiễm môi trường đất.

3. Các doanh nghiệp, hội, hiệp hội

Phối hợp với các đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các địa phương, tổ chức, cá nhân liên quan để tổ chức, triển khai thực hiện hiệu quả Đề án.

Tham gia đề xuất, tư vấn, phản biện cơ chế, chính sách trong quản lý dinh dưỡng cây trồng và nâng cao sức khỏe đất trồng trọt.

Phối hợp tập huấn, truyền thông nâng cao năng lực, trình độ, nhận thức cho các tổ chức, cá nhân trong quản lý, sử dụng, bảo vệ và cải tạo đất; Phổ biến kiến thức, chuyển giao những tiến bộ kỹ thuật về đất và phân bón.

Điều 3. Điều khoản thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Bảo vệ thực vật, Thủ trưởng các đơn vị liên quan thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (để báo cáo);
- Bộ trưởng Lê Minh Hoan (để báo cáo);
- Các Thứ trưởng;
- UBND các tỉnh/thành phố trực thuộc TƯ;
- Các đơn vị nghiên cứu, đào tạo; Hiệp hội phân bón Việt Nam; Hiệp hội Nông nghiệp hữu cơ Việt Nam;
- Sở NN và PTNT các tỉnh/TP trực thuộc TƯ;
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ, Bộ NN và PTNT;
- Lưu: VT, BVTV.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Hoàng Trung